

Các hiệp định thương mại tự do của các nước ASEAN và tác động của chúng đến sự thay đổi động thái ngoại thương của Singapore

Một số đề nghị cho Việt Nam

TS. NGÔ THỊ NGỌC HUYỀN & ThS. VÕ ĐẮC KHÔI

Giới thiệu

Kể từ những năm 1990 đến nay, giữa các quốc gia thành viên cũng như chưa gia nhập WTO đã hình thành nhiều hiệp định thương mại khu vực (RTA) và hiệp định thương mại tự do song phương (FTA). Hiện có khoảng 380 FTA đã được thông báo cho GATT/WTO. Trong số này, 204 FTA đang có hiệu lực. WTO dự báo, đến năm 2010 sẽ có xấp xỉ 400 FTA đi vào thực hiện. Trong số đó, hình thức khu vực thương mại tự do chiếm hơn 90% và hình thức liên hiệp thuế quan chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 10%. Trong khu vực Đông Nam Á, cho đến thời điểm tháng 10 năm 2008, đã có 158 RTA/FTA ký bởi các thành viên ASEAN. Trong đó, có 49 hiệp định đang trong giai đoạn thực hiện (Bảng 1).

Để phân tích vai trò của các RTA/FTA trong việc thay đổi động thái ngoại thương của các nước ở Đông Nam Á, trước hết, ở phần I, bài viết sẽ tiến hành điểm qua các RTA và FTA của khối ASEAN. Phần II là tình huống nghiên cứu, đi sâu phân tích thay đổi

động thái thương mại của Singapore và vai trò của các FTA. Cơ sở xem xét gồm xu thế tăng trưởng hàng hóa xuất, nhập khẩu và tăng trưởng đầu tư trực tiếp (FDI) đi vào và đi ra nước ngoài gắn với tiến trình ra đời hàng loạt các FTA của Singapore kể từ sau năm 2000. Phần III của bài viết sẽ bàn về những gợi ý cho chính sách ngoại thương của VN.

I. Điểm qua tình hình phát triển các hiệp định thương mại tự do chủ yếu của khối ASEAN.

1. Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)

Mặc dầu AFTA là nền tảng và chất xúc tác cho việc giải phóng thương mại của ASEAN, tăng trưởng ngoại thương bên trong khu vực chỉ chiếm 1/4 tổng khối lượng xuất khẩu của ASEAN. Đầu tư trực tiếp giữa các nước trong ASEAN cũng chỉ chiếm tỷ trọng 9,69%. Dòng chảy FDI của ASEAN chủ yếu đến từ các khu vực và quốc gia bên ngoài ASEAN, dẫn đầu là EU, thứ nhì là Nhật. Thành viên ASEAN thu hút đầu tư trực tiếp FDI lớn nhất là Singapore, tiếp đến là Thái Lan, Indonesia và Malaysia.

Nhìn chung, có thể nhận định: Tiến tới một thị trường chung ASEAN cần có nhiều nỗ lực và con đường vẫn còn dài. Có lẽ vì thế mà bên trong AFTA cũng đã hình thành các hệ thống quan hệ song phương để thúc đẩy cho cả hệ thống cùng tiến tới mục tiêu chung. Chẳng hạn, từ tháng 2/2002, Thái Lan và Singapore tuyên bố hình thành Hệ thống tăng

Bảng 1: Số lượng RTA/FTA của các quốc gia ASEAN

Quốc gia	Đang đàm phán			Đã kết luận		Tổng
	Đã đề xuất	Đã ký kết hiệp định khung	Đang đàm phán	Đã ký	Đang thực hiện	
Brunei Darussalam	4	2	2	1	4	13
Cambodia	2	2	2	0	3	9
Indonesia	6	3	2	2	3	16
Lao PDR	2	2	2	0	5	11
Malaysia	4	3	6	2	4	19
Myanmar	2	3	2	0	3	10
Philippines	4	2	2	1	3	12
Singapore	5	2	11	1	13	32
Thái Lan	6	6	4	0	8	24
Việt Nam	2	2	3	0	3	10
Tổng	37	27	36	7	49	156

Nguồn: Asian Regional Integration Center, <http://aric.adb.org/ftatrends.php>.

cường quan hệ kinh tế Singapore-Thái Lan -STEER (*). Tháng 4/2003, Thái Lan hình thành “Chiến lược phát triển kinh tế” với Lào, Campuchia và Myanmar. Theo sau các nỗ lực này, tháng 10/2003 Hội nghị ở Bali, các lãnh đạo ASEAN đã đồng ý hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) nhằm tiến tới loại bỏ hoàn toàn thuế quan và các hàng rào phi thuế (NTBs) vào năm 2020.

2. Khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA)

Tháng 11 năm 2002, Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện đã được ký giữa ASEAN và Trung Quốc. Hiệp định khung này làm cơ sở để tiến tới hình thành RTA giữa ASEAN và Trung Quốc, viết tắt là ACFTA. Sau nhiều lần đàm phán bổ sung, ACFTA đi vào hiệu lực chính thức ngày 1/1/2005. Việc thực thi Hiệp định thương mại này dự kiến hoàn toàn tuân thủ vào năm 2010 cho các thành viên ASEAN thuộc nhóm gia nhập trước và nhóm CLMV vào năm 2015.

Trong 10 năm, từ 1996-2006, thương mại ASEAN-TQ đã tăng trưởng ở mức kỷ lục khoảng 700%. Đặc biệt trong năm ba năm (2004-2006), kể từ sau khi ký Hiệp định khung, trung bình xuất khẩu ASEAN vào Trung Quốc tăng 45,88%/năm và nhập khẩu 34,43%/năm. Tuy nhiên, cùng thời kỳ, đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN chỉ chiếm xấp xỉ 2% trên tổng FDI của ASEAN. Yếu tố này mặc dầu không gây ấn tượng nhưng lại phản ánh thực tế, Trung Quốc và các nước ASEAN đang cạnh tranh lẫn nhau trong thu hút FDI.

3. ASEAN-Nhật (AJFTA)

ASEAN và Nhật đã thiết lập quan hệ không chính thức từ năm 1973. Đến tháng 3/1977 hai bên tham gia diễn đàn chính thức ASEAN-Nhật. Từ đó đến nay, ASEAN và Nhật liên tục là các đối tác quan trọng về thương mại. Ngày 15/4/2008, Nhật và ASEAN đã ký Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện sau 5 năm đàm phán giữa các nước thành viên ASEAN và Nhật. Việc ký kết đã hoàn tất thủ tục cần thiết để phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Nhật (AJCEP) dự kiến sẽ được ký kết trong cuộc họp của các Bộ trưởng kinh tế ASEAN vào kì tới.

Khi AJFTA đi vào hiệu lực, dự kiến thuế của 90% hàng hóa xuất khẩu của ASEAN vào Nhật sẽ giảm xuống mức bằng không. Điều này tạo điều kiện cho xuất khẩu hàng hóa vào Nhật được thuận lợi hơn, nhưng đồng thời giúp Nhật cân bằng thâm hụt thương mại với ASEAN. Bình quân tăng trưởng xuất

khẩu của ASEAN vào Nhật trong vòng 10 năm (1996-2006) tăng 88,38%, nhưng nhập khẩu của ASEAN từ Nhật chỉ tăng 9,8%. Nhật đứng thứ hai về đầu tư trực tiếp FDI vào ASEAN. Đầu tư của Nhật vào ASEAN cũng dẫn đầu, khoảng 11 tỷ USD hàng năm [9]. AJFTA sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho các tổng công ty của Nhật đầu tư vào ASEAN theo xu thế chuyển các ngành sản xuất chế tạo thâm dụng lao động từ Nhật sang ASEAN. Trong khi đó, các quốc gia nhóm CLMV sẽ có cơ hội tiếp nhận FDI từ Nhật về đầu tư cơ sở hạ tầng.

4. Hiệp định thương mại tự do EU-ASEAN

Vào tháng 4 năm 2005, Chủ tịch EU, Mandelson và các Bộ trưởng ASEAN thành lập nhóm công tác gồm các nhà kinh tế cao cấp với mục đích chính là nghiên cứu khả thi sáng kiến mới thành lập FTA để tăng cường gắn kết kinh tế. Hai bản nghiên cứu khả thi đã được lập, cung cấp các yếu tố nền tảng cho các cuộc đàm phán về FTA trong tương lai giữa EU và ASEAN. Trong tháng 10 năm 2006, EU phát hành thông điệp “Châu Âu toàn cầu, Cạnh tranh trên thế giới” xác định ASEAN là một đối tác FTA ưu tiên. Nhóm công tác đặt mục tiêu giải phóng đầy tham vọng bao gồm cả giải phóng du lịch và đầu tư. Ngày 23 tháng 4 năm 2007 Ủy ban EU ủy quyền cho cho Hội đồng EU bắt đầu đàm phán FTA với ASEAN. Ủy ban hỗn hợp được thiết lập và tiến hành hai lần họp và dự kiến trong năm 2008 sẽ tiến hành 4 cuộc đàm phán.

5. ASEAN-Mỹ

Mỹ là đối tác thương mại hàng đầu về xuất khẩu của ASEAN. Tính theo giá trị ngoại thương, Mỹ hiện đứng vị trí thứ hai sau Nhật. Đầu tư của Mỹ vào ASEAN xếp hàng thứ ba nếu tính luôn cả đầu tư bên trong khối ASEAN với nhau và đứng vị trí thứ hai nếu tính các nước bên ngoài đầu tư vào ASEAN.

Từ 1977 đến 2004, Mỹ - ASEAN đã tiến hành 17 lần đối thoại thông qua các Hội nghị Bộ trưởng và các diễn đàn của lãnh đạo cấp cao. Tổng thống Mỹ đã đồng ý triển khai chương trình Nâng cao quan hệ hợp tác ASEAN-Mỹ về mọi mặt, chính trị, ngoại giao. Trong khuôn khổ hợp tác kinh tế, hai bên đồng ý tiếp tục chương trình Sáng kiến kinh tế ASEAN, xem đó là cơ chế để thúc đẩy thương mại và đầu tư giữa Mỹ và ASEAN, ký kết Hiệp định khung ASEAN-Mỹ về thương mại và đầu tư vào 8/2006. Mỹ cũng đã ký riêng FTA vào 2003 và đang trong giai đoạn đàm phán FTA với Thái Lan, Malaysia và Indonesia. Mỹ cũng đã ký Hiệp định khung về

thương mại và đầu tư với Philippines (1989), Indonesia (1996), Brunei (2002), Thái Lan (2002), Malaysia (2004), Campuchia (2006), và VN (6/2007). Tổng thống Mỹ mới đây đã đề cử Đại sứ đầu tiên của Mỹ làm việc ở văn phòng Ban Thư ký ASEAN [9].

6. Các FTA khác của ASEAN

ASEAN hiện đang duy trì đối thoại hợp tác với các nước khác như Hàn Quốc, Ấn Độ, New Zealand, Canada, Nga và Pakistan... Mặc dầu giao thương với các nước này còn chưa cao nhưng các bên đã duy trì đối thoại thông qua các ghi nhớ, tuyên bố chung và các diễn đàn khu vực.

Một số nhận định rút ra ở phần I:

Đông Nam Á là một khu vực kinh tế năng động với xấp xỉ 50 hiệp định thương mại tự do khu vực và song phương. Các hiệp định này hình thành dựa trên các nguyên tắc nền tảng của WTO. Chúng nhắm đến mục tiêu giải phóng thương mại từng phần của nền thương mại thế giới, khi các cuộc đàm phán đa phương chưa tìm được tiếng nói chung.

ASEAN hiện đang thực hiện RTA với Trung Quốc, đang đàm phán với Nhật, Hàn Quốc, Mỹ, EU... là những nền kinh tế lớn. Mặc dầu Nhật đã thành công ký hiệp định thương mại song phương với Singapore và đã đầu tư rất sớm, từ thập kỷ 80 vào Thái Lan, Malaysia, Indonesia... Nhật cũng thấy áp lực khi giữa ASEAN và Trung Quốc đã hình thành ACFTA. Trong bối cảnh đó, nếu ASEAN chưa đủ năng động, rất có khả năng Nhật, Mỹ sẽ thúc đẩy đàm phán riêng rẽ để tiến tới FTA với các nước thành viên ASEAN như Malaysia và Thái Lan để tránh bị hiệu ứng chệch hướng thương mại (trade diversion effect) khi giữa ASEAN và Trung Quốc hoàn toàn đi vào thực hiện ACFTA vào năm 2010 và 2015 đối với nhóm CLMV.

Bài học rút ra cho VN: Trong khi VN nỗ lực gia nhập ASEAN vào năm 1995 và WTO năm 2007 theo hướng đa phương hóa quan hệ ngoại thương, thế giới và khu vực lại có xu thế chuyển sang hình thành các RFA và FTA. Trước bối cảnh đó, VN không thể chậm chân trong việc tranh thủ thời cơ thuận lợi sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới. Cần tiến hành phân tích và tận dụng khai thác các RTA/FTA đã có trong khu vực trên cơ sở các lợi thế của quốc gia. Chậm chân trong việc thích ứng với động thái ngoại thương sẽ bị cuốn hút vào vòng xoáy ngoại thương của các nền kinh tế đang nổi lên trong khu vực là Trung Quốc và Singapore và trở thành "sân sau" cho các nền kinh tế này.

II. Tình huống nghiên cứu: Đánh giá tác động của các FTA đối với những thay đổi động thái thương mại và đầu tư của Singapore

Ngoài các RTA/FTA đang đàm phán trong khuôn khổ ASEAN kể trên, các nước thành viên ASEAN có nền kinh tế dẫn đầu là Singapore, Thái Lan, Malaysia và Indonesia đã và hiện đang nỗ lực đàm phán, ký kết các FTA riêng rẽ với các nước và khu vực kinh tế quan trọng bên ngoài ASEAN. Singapore là quốc gia điển hình trong số đó.

1. Các RTA/FTA của Singapore

Kể từ khi tham gia FTA đầu tiên là AFTA vào năm 1993, Singapore đã phát triển thành 13 hiệp định khu vực và song phương với 23 đối tác thương mại. Nếu tính luôn cả các FTA đang tiếp tục đàm phán và đề xuất, tổng cộng lên đến 32 RTA/FTA. Phần lớn 13 FTA/RTA theo danh sách dưới đây đều được ký và thực hiện kể từ năm 2000 đến nay. Trong đó, hiệp định có thời gian dài nhất là AFTA. (xem Bảng 2)

Ngoài các RTA/FTA đã ký, hiện Singapore đang cùng các nước ASEAN đàm phán các hiệp định thương mại khu vực cùng với ASEAN gồm ASEAN-Australia và New Zealand, ASEAN- Ấn Độ, ASEAN- Nhật. Các FTA Singapore đàm phán riêng rẽ gồm Canada, Hội đồng hợp tác vùng Vịnh (Gulf Cooperation Council), Mexico, Pakistan, Peru và Ukraine.

2. Đánh giá tác động của các FTA đối với những thay đổi động thái thương mại và đầu tư của Singapore.

Trang chủ của chính phủ Singapore về FTA giới thiệu, "FTA là siêu xa lộ nối Singapore tới các nền kinh tế chính và những thị trường mới. Các nhà xuất khẩu cũng như các nhà đầu tư đặt bản doanh ở Singapore hưởng được vô số tiện ích như giảm thuế quan, tiếp cận những khu vực ưu tiên, thâm nhập thị trường nhanh hơn trong khi đảm bảo được sự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ...hệ thống của 13 FTAs được thiết kế để định vị Singapore như là một trung tâm sản xuất tích hợp trong khu vực; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển trong nền kinh tế dựa vào tri thức và vận hành trung tâm dịch vụ [7]."

2.1. Đánh giá tác động đối với xuất khẩu:

Trong 10 đối tác thương mại xuất khẩu hàng đầu của Singapore từ 1980 đến 2007 là Malaysia, EU, Trung Quốc, Hồng Kông, Mỹ, Nhật, Thái Lan, Úc, Hàn Quốc và Đài Loan. 10 đối tác dẫn đầu này đều

Bảng 2: Các hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực của Singapore

STT	Hiệp định	Ngày ký	Ngày hiệu lực	Đối tác
1	AFTA	01/1992	01/1993	Các thành viên ASEAN
2	AKFTA	2005	ASEAN+4: 2009, CLMV: 2014	ASEAN-Hàn Quốc
3	ACFTA	2002	01/2005	ASEAN-Trung Quốc
4	AJFTA	04/2008		ASEAN-Nhật
5	TPFTA		06/2005	Brunei, New Zealand, Chile
6	ANZSCEP	08/2000	08/2001	New Zealand
7	JSEPA		11/2002	Nhật
8	ESFTA	06/2002	01/2003	Thụy Sĩ, Iceland, Liechtenstein, Na Uy
9	SAFTA	02/2003	07/2003	Úc
8	USSFTA	05/2003	01/2004	Mỹ
9	KSFTA	08/2005	03/2006	Hàn Quốc
10'	Trans-Pacific SEP'		03/2005	Brunei, Chi lê, New Zealand
11	CECA	05/2003	06/2005	Ấn Độ
12	SJFTA	04/2004	08/2005	Jordan
13	PSFTA	04/2005	03/2006	Panama
14	CSFTA	10/2008	85% hàng hóa Singapore sẽ miễn thuế vào 01/2009 và 95% vào 01/2010.	Trung Quốc

đã ký và đang thực hiện các FTA song phương với Singapore gồm Nhật, Mỹ, Hàn Quốc, Úc, và Trung Quốc, cũng như các RTA gồm Thái Lan, Malaysia thuộc AFTA và nhóm các quốc gia thuộc EU. Đáng lưu ý với các đối tác chưa ký FTA, nhưng cùng nói chung ngôn ngữ tiếng Hoa như Hồng Kông, Đài Loan đều là những thị trường xuất khẩu hàng đầu của Singapore. Đây là lợi thế văn hóa rất lớn của

từ sau năm 2000. Bình quân 33% trong hai mươi năm giảm còn 25% chỉ trong vòng bảy năm, từ năm 2000 đến 2007.

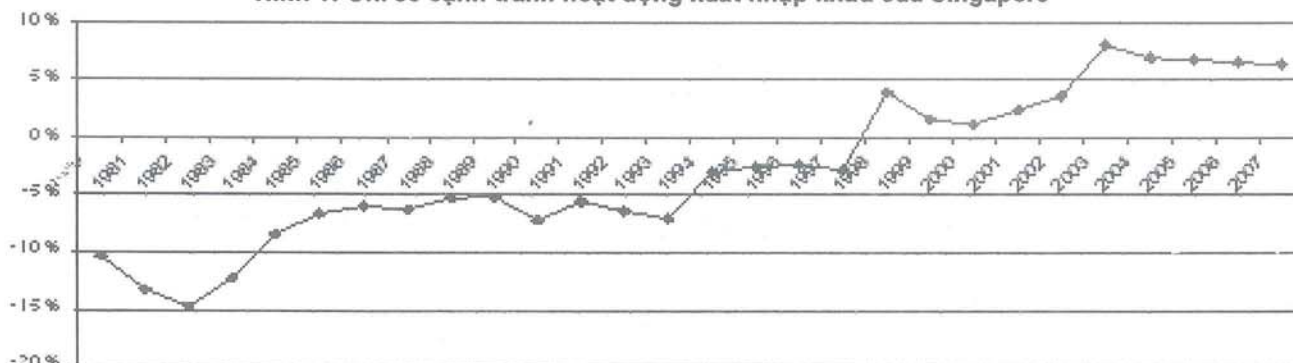
2.2. Đánh giá tác động đối với nhập khẩu:

Nhật, Mỹ, EU và nước láng giềng Malaysia là những quốc gia nhập khẩu chính của Singapore. Kể từ năm 2005, Trung Quốc bắt đầu trở thành nước đứng thứ ba về nhập khẩu của Singapore. Trung

Singapore, cũng như cộng đồng các quốc gia nói tiếng Hoa trong quá trình phát triển thương mại trên thế giới và ở châu Á nói riêng.

Từ 1980 đến năm 1999, xuất khẩu của Singapore sang Trung Quốc, Hồng Kông và Đài Loan chiếm tỷ lệ dưới 20%, trung bình 16%. Nhưng từ năm 2000 đến 2007, tỷ lệ này tăng rõ rệt từ 20% lên đến 36%, trung bình 27%. Tương tự, xuất khẩu của Singapore ra toàn châu Á tăng từ 1995 đến 2007 có mức tăng rất cao, trên 50%. Tốc độ xuất khẩu của Singapore sang thị trường Mỹ và EU đã chậm lại kể

Hình 1: Chỉ số cạnh tranh hoạt động xuất nhập khẩu của Singapore



Nguồn: IMF Directions of Trade.

— Chỉ số cạnh tranh

Đồng cũng vươn lên, vượt qua Nhật trở thành một trong năm quốc gia nhập khẩu hàng đầu của Singapore.

Đánh giá sức cạnh tranh của hoạt động xuất nhập khẩu: Sử dụng công thức: $(X-N)/(X+N)$ để tính toán sức cạnh tranh xuất nhập khẩu của Singapore. Hình 1 cho thấy rằng từ 1998 trở lại đây, hoạt động xuất nhập khẩu của Singapore đã mang về thặng dư thương mại cho nước này. Thời điểm đổi chiều từ trạng thái nhập siêu sang thặng dư mậu dịch phù hợp với sự ra đời của các FTA.

2.3. Đánh giá tác động về đầu tư:

Từ 1990 đến năm 2000, bình quân hàng năm, FDI đi vào Singapore là 9,2 tỷ USD và Singapore đi ra là 4,75 tỷ USD. Từ năm 2000 đến năm 2007, lượng vốn FDI đi vào và đi ra của Singapore tăng rất lớn về số lượng cũng như tốc độ. Theo UNCTAD, năm 2005-2006, Singapore đứng thứ hai sau Mỹ, trở thành quốc gia có tiềm năng thu hút dòng vốn đầu tư từ nước ngoài hàng đầu thế giới. Năm 2006-2007, Singapore xếp hạng 6 trong thu hút đầu tư và xếp hạng 8 trong số các nước có lượng đầu tư ra nước ngoài lớn trên thế giới.

- Dòng FDI vào: Singapore nhận FDI đi vào lãnh vực bất động sản và nhà văn phòng cho thuê. Thứ đến là đầu tư trong lĩnh vực vận tải và nhà kho bến bãi. Đứng thứ ba là khu vực sản xuất chế tạo. Xây dựng cũng là ngành thu hút đầu tư khá, và cuối cùng là đầu tư tài chính và dịch vụ bảo hiểm.

- Dòng chảy FDI đi vào Singapore lớn nhất là từ

EU và thứ đến là các quốc gia trong khu vực châu Á Thái Bình Dương. Tuy nhiên, các quốc gia ASEAN có lượng đầu tư vào Singapore quá nhỏ. Mỹ duy trì một lượng đầu tư khá ổn định vào nền kinh tế Singapore, bình quân 32 tỷ USD mỗi năm từ 1997 đến nay. Quan sát trên sơ đồ dạng rada, lượng thu hút đầu tư mở rộng theo hình xoắn tròn ốc từ năm 2000 đến nay.

- Dòng FDI đi ra: FDI đi ra nước ngoài của Singapore lớn nhất là tài chính bảo hiểm, thứ đến là sản xuất chế tạo. Dịch vụ bán sỉ, lẻ, khách sạn và nhà hàng; thông tin liên lạc và bất động sản là ba ngành đầu tư ra nước ngoài khác trong 5 ngành lãnh vực đầu tư ra nước ngoài của Singapore (minh họa trường hợp của VN ở Hộp 1). Singapore chủ yếu đầu tư vào các nước thuộc châu Á, Bắc Mỹ và châu Mỹ La tinh và châu Âu. Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, Thái Lan là những quốc gia thu hút đầu tư FDI của Singapore mạnh năm 2006.

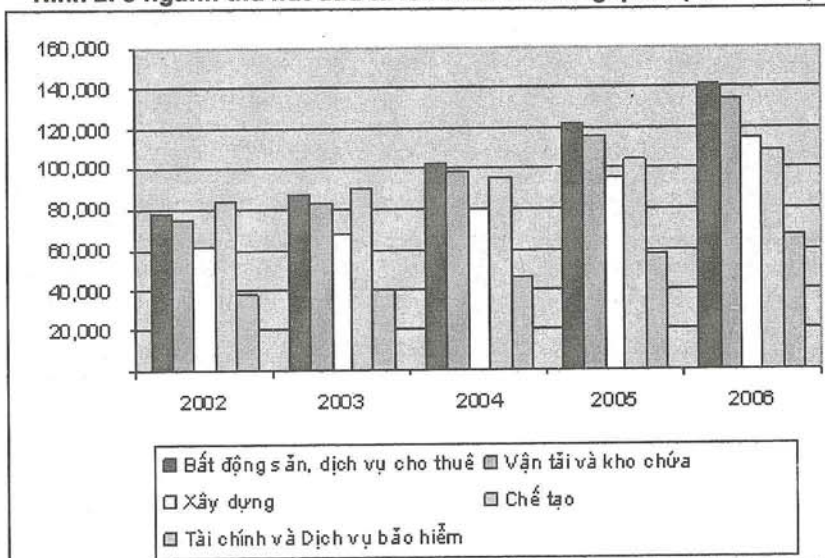
Một số nhận định rút ra từ phần II: Singapore là quốc gia dẫn đầu trong việc sử dụng nguồn lực của chính phủ để định hướng hoạt động ngoại thương. Quốc gia này với 13 FTA kết nối đến các các nền kinh tế lớn trên thế giới. Chính phủ Singapore đã hết sức thành công trong việc vận dụng các khu vực thương mại tự do AFTA, biến Singapore thành một đầu mối thu hút đầu tư từ EU, Nhật, Mỹ... vào các nước kế cận gồm Malaysia, Indonesia và Thái Lan, kể cả VN. Đây cũng là ba nước Singapore đầu tư rất ổn định trên khu vực chủ yếu là sản xuất

chế tạo và thông qua kênh dịch vụ tài chính. Thương mại hai chiều Singapore-Trung Quốc tăng rất lớn. Một trong những lợi thế của Singapore là yếu tố văn hóa. Singapore biết vận dụng lợi thế này trong đầu tư vào dịch vụ tài chính, bảo hiểm ở Trung Quốc.

III. Những đề nghị đối với VN

1. Từ những nghiên cứu ở phần 1 cho thấy: Là thành viên của AFTA, về mặt lý thuyết, VN được hưởng các đặc quyền thương mại và đầu tư tương đương các thành viên khác và đã thực hiện lộ trình giảm thuế ưu tiên cùng các thành viên nhóm CLMV. Ngoài AFTA, ACFTA là hai hiệp

Hình 2: 5 ngành thu hút đầu tư lớn nhất của Singapore (2002-2006)



Nguồn: Singapore Department of Statistics.

định thương mại khu vực VN đang tham gia cùng các nước ASEAN với Trung Quốc, nhưng VN chưa ký được một FTA với bất cứ quốc gia nào.

Singapore vừa ký xong FTA với Trung Quốc vào tháng 10/2008. Đồng thời, Trung Quốc đã ký FTA giai đoạn thu hoạch sớm (early harvest) với Thái Lan và Philippines về hàng hóa nông nghiệp. Trước bối cảnh khu vực như thế, VN hiện mới chỉ dừng lại ở các cuộc đàm phán tiến tới các FTA với một số nước như Nhật, Chilê, và chỉ mới ký Hiệp định khung về thương mại và đầu tư (TIFA) với Mỹ.

Hộp 1: Đầu tư của Singapore vào VN

Đầu tư FDI của Singapore vào VN tăng 140% trong 10 năm, đạt xấp xỉ 1,7 tỷ USD vào năm 2006 và chiếm tỷ lệ 3,15% trên tổng đầu tư của Singapore vào ASEAN. Tỷ lệ này cho thấy khả năng nhận đầu tư FDI Singapore vào VN còn rất lớn.

Đầu tư của Singapore vào ngành sản xuất chế tạo ở VN chiếm 62%. Ngành thương mại bán sỉ, bán lẻ và khách sạn chiếm 21%. Lĩnh vực địa ốc và văn phòng cho thuê xếp thứ ba, nhưng chỉ chiếm tỷ trọng 6%.

Trên 60% lượng tiền đầu tư FDI của Singapore vào VN đi thông qua các tổ chức tài chính và dịch vụ tài chính.

(Nguồn: Singapore Department of Statistics, tháng 7, 2008)

Như tổ tiên ta từng hay nói “buôn có bạn, bán có phường”, VN cần có chiến lược chính sách ngoại thương phù hợp với lộ trình cam kết thực hiện các RTA đã ký cùng với các nước ASEAN là AFTA và ACFTA cũng như AKFTA hoặc AJFTA...

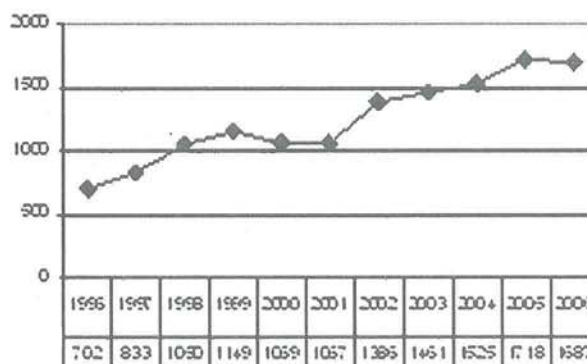
2. VN cần rút ra những bài học thành công từ các nước trong khu vực, điển hình là Singapore như sau.

- Singapore đã chịu tình trạng nhập siêu hàng chục năm trời, từ 1998 đến nay (2008) mới chuyển sang trạng thái thặng dư mậu dịch. Vì vậy, bài học thực tiễn đầu

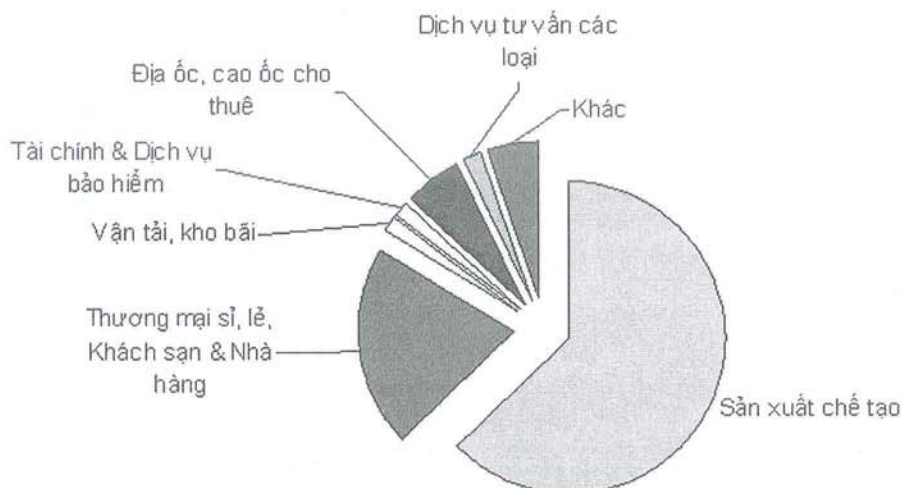
tiên rút ra được từ kết quả nghiên cứu là để sớm rút ngắn tình trạng nhập siêu và có tích lũy để đầu tư ra nước ngoài, trong thời gian tới, VN cần quan tâm đàm phán và ký kết những FTA nhằm phục vụ cho mục tiêu này.

- Chính phủ Singapore rất chú trọng xây dựng năng lực tổ chức để điều hành hoạt động đàm phán các RTA/FTA. Tổ chức IE (International Enterprise) là một cơ quan thuộc Bộ Công thương Singapore. Đơn vị này có cổng thông tin riêng với đầy đủ các số liệu cho doanh nghiệp trong nước và quốc tế tham khảo. Cách làm này không những giúp đội ngũ chuyên viên tham gia đàm phán, tích lũy kinh nghiệm, số liệu, văn bản, hiệp định mà còn có trách nhiệm giúp các doanh nghiệp trong nước biết cách vận dụng các hiệp định chính phủ đã ký vào trong thực tiễn kinh doanh. Trong khi đó, cổng thông tin chính phủ VN tại <http://www.chinhphu.vn/portal/> cũng như trang chủ của Bộ Công thương tại

Đầu tư FDI của Singapore vào Việt Nam



FDI của Singapore vào Việt Nam tính đến 2006



<http://www.moit.gov.vn/web/guest/home> chưa được tổ chức một cách khoa học theo cách làm của Singapore. Bài học thực tiễn thứ hai rút ra từ diễn cứu về ngoại thương Singapore rằng chính phủ đóng một vai trò quan trọng trong việc tổ chức đàm phán và đi vào thực hiện các hiệp định đã ký. Bộ Công thương VN cần nhanh chóng hình thành cơ quan chuyên môn dưới Bộ để đảm trách các vấn đề thương mại tự do đa phương và song phương.

- Cuối cùng, cần đánh giá tác động của các FTA đối với nền ngoại thương của VN trên cơ sở phân tích cơ cấu thương mại, xác định năng lực cạnh tranh. Từ đó đề ra chiến lược chính sách thích hợp cho nền ngoại thương VN ■

Chú thích:

(*) STEER: Singapore-Thailand Enhanced Economic Partnership.

(Tiếp theo trang 28)

Đầu xuân bàn chuyện ...

Thực tế năm 2008 cho thấy, tác động của Nghị quyết Tam nông đối với kinh tế nông nghiệp nước ta là tích cực. Trong khi tốc độ tăng trưởng GDP của 2 khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đều giảm so với năm 2007 thì tốc độ tăng GDP của khu vực nông nghiệp lại cao hơn 2007 (3,8%/3,4%). Sản lượng lương thực năm 2008 cũng tăng 2,5 triệu tấn so năm 2007. Kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt trên 15,5 tỷ USD, tăng 4 tỷ USD so 2007. Tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn vẫn giảm 1,5% so năm 2007. Vì vậy sang năm 2009, muốn hạn chế tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế toàn cầu của các nước đang phát triển như VN, nhất thiết phải tập trung ưu tiên đầu tư nguồn lực để hiện đại hoá nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nâng cao dân trí và đời sống của nông dân. Tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế toàn cầu đối với kinh tế VN tăng lên, xuất khẩu nông sản chắc chắn sẽ gặp khó khăn hơn nhưng sản xuất lương thực, thực phẩm sẽ ít biến động do độ mở của nông nghiệp VN chưa quá lớn, tính phụ thuộc vào thị trường thế giới có hạn chế. Dự báo tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2009 vẫn đạt trên 5,5%.

Vai trò của Tam nông trong các biện pháp chống tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế toàn cầu đối với nước ta là tích cực, rất cần được phát

Tài liệu tham khảo

1. Asian Regional Integration Center, <http://aric.adb.org/ftatrends.php>
2. ASEAN Secretariat, <http://www.aseansec.org/>
3. ASEAN-Japan Center, [http://www.asean.or.jp/eng/general/statistics/index\(07\).html](http://www.asean.or.jp/eng/general/statistics/index(07).html)
4. FTA Malaysia, <http://www.ftamalaysia.org/category.php?cid=9>
5. IMF Directions of Trade <http://qesdb.usaid.gov>
6. Ministry of International Trade and Industry of Malaysia, <http://www.miti.gov.my>
7. Singapore's FTA Official Website, <http://www.iesingapore.gov.sg/>
8. Thông cáo báo chí ASEAN Secretary General <http://www.aseansec.org/21496.htm>
9. Thailand News Agency <http://enews.mcot.net/view.php?id=3773>
10. US-ASEAN Business Council, <http://www.us-asean.org/>
11. WTO website, http://www.wto.org/english/tratop_e/region_e/region_e.htm

huy. Bước vào mùa Xuân 2009, hy vọng các chính sách và giải pháp phát triển Tam nông bền vững sẽ được các nhà lãnh đạo, khoa học, nhà quản lý... quan tâm nghiên cứu, hoàn thiện để sớm biến Nghị quyết TW7 (khoá X) của Đảng thành sức mạnh tạo bước đột biến cho nông nghiệp nông thôn và nông dân VN trong giai đoạn hội nhập, tương tự như Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (Khoá VI) năm 1988.

Đầu Xuân Kỷ Sửu bàn chuyện Tam nông chắc chắn sẽ là một niềm vui lớn vì đáp ứng nguyện vọng tha thiết, cháy bỏng của hàng chục triệu hộ nông dân cả nước VN trong thời kỳ mới đẩy mạnh CNH - HDH nông nghiệp nông thôn ■

Tài liệu tham khảo

- Văn kiện Đại hội IV. Hội Nông dân VN.
- Dự thảo Báo cáo của BCHTW Hội Nông dân VN khoá IV tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V.
- Các văn kiện cam kết về VN vào WTO.
- Bộ NN&PTNT (2005), *WTO và ngành nông nghiệp VN*.
- TS. Vũ Ngọc Kỳ (2007), *Nông dân và Hội Nông dân VN trên đường hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB CTQG, Hà Nội.
- *Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2006*, NXB Thống kê, 2008.
- *Nghị quyết 26 BCHTW Đảng lần thứ 7 (Khoá X) về vấn đề Tam nông*, (2008).
- *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 11 tháng 2008*, Tổng cục Thống kê